

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HS-PT
Ngày 19 tháng 01 năm 2022
“Trần Văn T² và đồng phạm
Trộm cắp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa
Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 214/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Đức T¹ do hai bị cáo kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thanh T, sinh năm 1972 tại tỉnh Thanh Hóa; Thường trú: Thôn Thọ Khang, xã Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú: Ấp Phú Trung, xã Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Trọng Vũ và bà Đàm Thị Bồn; Có vợ Bùi Thị Sinh và 02 con sinh năm 2006 và 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến ngày 09/4/2019 hủy bỏ biện pháp tạm giam, bắt lại từ ngày 10/8/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức Triệu, sinh năm 1985 tại tỉnh Thanh Hóa; Thường trú: Khu phố 1, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú: Số 570, Khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Mọn và bà

Nguyễn Thị Chênh; Có vợ Lê Thị Loan và 02 con sinh năm 2011 và 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị tạm giam từ ngày 03/9/2020 đến ngày 16/11/2020 đặt tiền bảo đảm tại ngoại đến nay – Vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T: Luật sư Nguyễn Trọng Nam – Giám đốc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Luật sư Nam thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Đức T¹: Luật sư Đỗ Hải Bình, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Ngoài ra còn có 03 bị cáo khác, 01 người bị hại và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Vận tải Linh Hương (sau đây viết tắt là Công ty Linh Hương) bán mủ cao su cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Phước (Công ty Bình Phước); Công ty Bình Phước thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hợp Tiến (Công ty Hợp Tiến) vận chuyển mủ cao su xuống cảng Cát Lái để xuất khẩu.

Nguyễn Mạnh H là tài xế của Công ty Hợp Tiến được giao nhiệm vụ điều khiển xe container vận chuyển mủ cao su từ Công ty Linh Hương đến cảng Cát Lái. Do quen biết nhau nên Trần Văn T² rủ H trộm mủ cao su với cách thức: Khi nào H vận chuyển mủ cao su xuống cảng thì H điện thoại báo cho T² biết trước để T² báo cho người mua chuẩn bị địa điểm, người bốc vác để sang hàng, phương tiện chở hàng và tiền để thanh toán. Sau đó T² điện thoại cho H điều khiển xe đến địa điểm theo sắp xếp của T² để cùng đục niêm phong lấy bớt mủ cao su trong container để bán, rồi niêm phong lại như cũ để H tiếp tục đưa container xuống cảng giao hàng.

T² xin được số điện thoại của Phạm Thanh T là chủ cơ sở thu mua phế liệu “T Đức Phát” rồi liên lạc thì T đồng ý mua mủ cao su, nhưng chưa biết giá nên hẹn với T² sẽ liên lạc lại sau. T liên hệ để bán mủ cao su cho Đàm Văn C là chủ cửa hàng sắt thép Minh C để hưởng chênh lệch. C kêu em vợ là Nguyễn Đức T¹ tìm nơi tiêu thụ mủ cao su thì T¹ liên hệ được người tên là T³ (chưa rõ lai lịch) đồng ý mua mủ cao su vàng giá 26.000 đồng/Kg, mủ đen giá 21.000 đồng/Kg rồi báo lại cho C biết. C điện thoại báo cho T biết đồng ý mua giá mủ vàng 24.000 đồng/Kg, mủ đen giá 19.000 đồng/Kg, địa điểm giao hàng, bốc vác, vận chuyển là do C lo và sẽ trả tiền ngay sau khi nhận hàng. T báo lại cho T² giá mủ vàng 16.000 đồng/Kg, mủ đen giá 14.000 đồng/Kg. Mỗi lần lấy mủ, T¹ điều khiển xe ô tô tải loại 2,5 tấn, biển số 54T-8085 của T¹ để chở cao su. Số tiền thu được do chênh lệch giá thì T¹ và C chia đôi.

Quá trình mua bán, Phạm Thanh T, Đàm Văn C và Nguyễn Đức T¹ hoàn toàn nhận thức được mua bán hàng hóa không có hóa đơn chứng từ, không rõ nguồn gốc,

mua bán lên lút vào ban đêm, khi lấy hàng phải đục phá niêm phong, nhưng vì hám lợi nên vẫn bất chấp để mua rẻ bán lại kiếm lời.

Với cách thức trên, Trần Văn T² cùng Nguyễn Mạnh H đã 05 lần trộm mủ cao su để bán cho Phạm Thanh T và đồng bọn như sau:

Lần thứ nhất vào ngày 03/7/2017, H nhận từ Công ty Linh Hương 630 bành tương đương 21 tấn mủ cao su loại SVR3L trên xe biển số 93C-075.49, số container ZIMU1329474, số niêm phong hăng tàu V118043 thuộc Order 339 để vận chuyển đến cảng Cát Lái. Theo chỉ dẫn của T², H cho xe đến nhà kho của ông Trần Văn M tại ấp 4, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên nằm sát nhà Đàm Văn C và C đã mượn kho này. H điều khiển xe vào trong kho rồi cùng với T² dùng búa, khóa 17, giẻ lau để mở khóa niêm phong để người của C chuyển 213 bành mủ cao su tương đương 7,09 tấn sang xe của T¹. Sau đó H điều khiển xe container chở số mủ cao su còn lại trên xe xuống cảng Cát Lái giao hàng. Số mủ trộm được thì T² bán cho T giá 16.000 đồng/Kg, thành tiền 113.440.000 đồng; T bán lại cho C và T¹ giá 24.000 đồng, thành tiền 170.160.000 đồng (chênh lệch 56.720.000 đồng); T¹ khai đem bán cho đối tượng T³ giá 26.000 đồng/Kg, thành tiền 184.340.000 đồng (chênh lệch 14.180.000 đồng). Số tiền chênh lệch do mua bán thì C và T¹ chia nhau.

Lần thứ hai vào ngày 04/7/2017, H nhận từ Công ty Linh Hương 630 bành tương đương 21 tấn mủ cao su loại SVR10 trên xe biển số 93C-075.49, số container SLSU2094334, số niêm phong TSB1695283 thuộc Order 312 để vận chuyển đến cảng Cát Lái. Cũng tại kho ông M, H và T² mở khóa niêm phong để người của C chuyển 240 bành mủ cao su tương đương 7,99 tấn sang xe của T¹. T² bán cho T giá 14.000 đồng/Kg, thành tiền 111.860.000 đồng; T bán lại cho C và T¹ giá 19.000 đồng, thành tiền 151.810.000 đồng (chênh lệch 39.950.000 đồng); T¹ khai đem bán cho đối tượng T³ giá 21.000 đồng/Kg, thành tiền 167.790.000 đồng (chênh lệch 15.980.000 đồng).

Lần thứ ba vào ngày 05/7/2017, H nhận từ Công ty Linh Hương 600 bành tương đương 20 tấn mủ cao su loại SVR3L trên xe biển số 93C-075.49, số container FCIU3999162, số niêm phong TSB1695294 thuộc Order 338 để vận chuyển đến cảng Cát Lái. Cũng tại kho ông M, H và T² mở khóa niêm phong để người của C chuyển 255 bành mủ cao su tương đương 8,49 tấn sang xe của T¹. T² bán cho T giá 16.000 đồng/Kg, thành tiền 135.840.000 đồng; T bán lại cho C và T¹ giá 24.000 đồng, thành tiền 203.760.000 đồng (chênh lệch 62.920.000 đồng); T¹ khai đem bán cho đối tượng T³ giá 26.000 đồng/Kg, thành tiền 220.740.000 đồng (chênh lệch 16.980.000 đồng).

Lần thứ tư vào ngày 07/7/2017, H nhận từ Công ty Linh Hương 630 bành tương đương 21 tấn mủ cao su loại SVR3L trên xe biển số 93C-075.49, số container LCSU1000336, số niêm phong OOLEQC1829 thuộc Order 353 để vận chuyển đến cảng Cát Lái. Lần này tại cây xăng của chị Nguyễn Thị Huyền T⁴ ở Tổ 8, xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên do Nguyễn Thành L (cháu gọi C bằng cậu) mượn địa

điểm. H và T² mở khóa niêm phong để người của C chuyển 238 bành mủ cao su tương đương 7,93 tấn sang xe của T¹. T² bán cho T giá 16.000 đồng/Kg, thành tiền 126.880.000 đồng; T bán lại cho C và T¹ giá 24.000 đồng, thành tiền 190.320.000 đồng (chênh lệch 63.440.000 đồng); T¹ khai đem bán cho đối tượng T³ giá 26.000 đồng/Kg, thành tiền 206.180.000 đồng (chênh lệch 15.860.000 đồng).

Lần thứ năm vào ngày 09/7/2017, H nhận từ Công ty Linh Hương 630 bành tương đương 21 tấn mủ cao su loại SVR3L trên xe biển số 93C-075.49, số container ZIMU2540774, số niêm phong V114480 thuộc Order 372 để vận chuyển đến cảng Cát Lái. Lần này tại nhà kho của bà Nguyễn Thị T⁵ ở ấp Phú Trung, xã Phú Chánh, thị xã Tân Uyên do bị cáo T mượn địa điểm. H và T² mở khóa niêm phong để người của chuyển 250 bành mủ cao su tương đương 8,25 tấn sang xe của T¹. T² bán cho T giá 16.000 đồng/Kg, thành tiền 132.000.000 đồng; T bán lại cho C và T¹ giá 24.000 đồng, thành tiền 198.000.000 đồng (chênh lệch 66.000.000 đồng); T¹ khai đem bán cho đối tượng T³ 26.000 đồng/Kg, thành tiền 214.500.000 đồng (chênh lệch 16.500.000 đồng).

Kết luận định giá tài sản ngày 30/7/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương kết luận 956 bành mủ cao su loại SVR3L và 240 bành mủ cao su loại SVR10 trị giá 1.363.445.645 đồng.

Tổng số tiền Trần Văn T² và Nguyễn Mạnh H bán mủ trộm cấp cho Phạm Thanh T là 620.020.000 đồng, T² chia H 250.000.000 đồng, số còn lại thì T² hưởng; Tổng số tiền bán lại cho Đàm Văn C và Nguyễn Đức T¹ là 909.050.000 đồng, thu lợi bất chính 289.030.000 đồng; Tổng số tiền C và T¹ bán lại cho đối tượng T³ (không rõ lai lịch) là 988.550.000 đồng, thu lợi bất chính mỗi người 39.750.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Đàm Văn C nộp 39.750.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức T¹ nộp 59.750.000 đồng; gia đình bị cáo Phạm Thanh T nộp 55.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 23/CTr-VKSBD-P1 ngày 16/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Văn T², Nguyễn Mạnh H về tội “Trộm cắp tài sản”; Phạm Thanh T, Đàm Văn C, Nguyễn Đức T¹ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên bố Trần Văn T², Nguyễn Mạnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Phạm Thanh T, Đàm Văn C, Nguyễn Đức T¹ phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” và đã quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo Phạm Thanh T, Đàm Văn C, Nguyễn Đức T¹ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vì đã xét xử sai tội danh đối với Phạm Thanh T, Đàm Văn C, Nguyễn Đức T¹;

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 236/2020/HS-PT ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2019/HSST ngày 29/11/2019 và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại Bản cáo trạng số 42/CTr-VKS.P2 ngày 17/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Đức T¹ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự và còn truy tố 03 bị cáo khác (Trần Văn T², Nguyễn Mạnh H, Đàm Văn C).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh T, Nguyễn Đức T¹ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 10 (*mười*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2020, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến ngày 09/4/2019.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T¹ 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/9/2020 đến ngày 16/11/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn xử phạt 03 bị cáo khác; quyết định về xử lý vật chứng; về biện pháp tư pháp; về trách nhiệm dân sự; về biện pháp đặt tiền để bảo đảm; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2021, bị cáo Phạm Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 22/3/2021, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Phạm Thanh T khai nhận bị cáo có môi giới cho T² bán mủ cao su cho C 05 lần, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là không oan, nhưng phạt bị cáo đến 10 năm tù là quá nặng nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T đề nghị xem xét bị cáo chỉ làm môi giới nhưng Bản án sơ thẩm đánh giá vai trò của bị cáo cao hơn bị cáo C là không hợp lý, nên nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T¹ đề nghị xem xét đã cộng dồn giá trị hàng hóa để quy kết các bị cáo ở khoản 4 của Điều luật nên không thể áp dụng

thêm tình tiết phạm tội từ 02 lần trở lên làm tình tiết tăng nặng. Đề nghị loại bỏ tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cho bị cáo T¹ nên bị cáo T¹ đủ điều kiện được giảm mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Bản án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến việc thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được đảm bảo, các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Bị cáo Nguyễn Đức T¹ vắng mặt nhưng đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ, hồ sơ chứng cứ đã rõ ràng, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo T¹. Về nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Đức T¹ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bản án sơ thẩm đánh giá vai trò của bị cáo T cao hơn vai trò của bị cáo C và xử phạt bị cáo T hình phạt cao hơn bị cáo C là chưa phù hợp, đề nghị chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt cho bị cáo T xuống còn 09 năm tù; Bị cáo T¹ đã được xử phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo T¹.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh T và đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T¹ đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đức T¹ có đơn xin hoãn phiên tòa vì bị cáo bị nhiễm Covid 19, phải cách ly tại nhà đến ngày 30/01/2022 là bất khả kháng nên bị cáo không thể có mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên phiên tòa đã bị hoãn nhiều lần, lần này bị cáo Nguyễn Đức T¹ đã được triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo T¹ là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo trong vụ án phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định do có sự hứa hẹn trước của Nguyễn Đức T¹, Đàm Văn C, Phạm Thanh T nên Trần Văn T² và Nguyễn Mạnh H đã lấy trộm mũ cao su để bán cho Phạm Thanh T, rồi Phạm Thanh T bán lại cho Đàm Văn C và Nguyễn Đức T¹ mang đi tiêu thụ để hưởng chênh lệch giá. Các bị cáo đã thực hiện trót lọt 05 lần, trộm được tổng số 1.196 bành mũ cao su trị giá 1.363.445.645 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Đức T¹ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây tác động xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm.

[3.1] Bị cáo Phạm Thanh T biết rõ số mũ cao su là do T² và H lấy trộm mà có nhưng bị cáo vẫn hứa hẹn đồng ý mua, từ đó T² và H mới thực hiện hành vi trộm cắp mũ cao su để bán cho T nhiều lần. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức, đã xem xét tình tiết tăng nặng là phạm tội từ hai lần trở lên, đồng thời cũng đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình nộp tiền để bồi thường thiệt hại, đã giúp cơ quan điều tra phát hiện ra đồng phạm khác, cha của bị cáo tham gia thanh niên xung phong những năm 1960 (BL 942) và đã xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, xét về đồng phạm thì bị cáo có vai trò ngang với Nguyễn Văn C, đều là người hứa hẹn tiêu thụ mũ cao su để tạo điều kiện cho T² và H thực hiện việc trộm cắp; không có sự hứa hẹn của C thì bị cáo T cũng không có cơ sở để hứa hẹn với T², H nhưng Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T nặng hơn so với C là chưa phù hợp; Ngoài ra, mẹ của bị cáo T là người bị tâm thần mất tính, thuộc hộ nghèo được trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng (BL 941) nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo tiếp tục tác động gia đình nộp thêm 50.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại, chứng tỏ bị cáo đã rất ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét thêm cho bị cáo. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị của luật sư và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Bị cáo Nguyễn Đức T¹ là người tìm nơi tiêu thụ và trực tiếp dùng phương tiện của mình để chở mũ cao su đi tiêu thụ nhiều lần, được chia 1/2 tiền chênh lệch giá với Đoàn Văn C.

Việc áp dụng khung hình phạt là căn cứ vào giá trị tài sản chiếm đoạt, còn việc áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” là căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của người phạm tội nên hoàn toàn không trái với quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, không chấp nhận lời bào chữa của luật sư đề nghị không áp dụng tình tiết tăng “phạm tội từ 02 lần trở lên” đối với bị cáo.

Bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức, đã xem xét tình tiết tăng nặng là phạm tội từ hai lần trở lên, đồng thời cũng đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp tiền để bồi thường thiệt hại, cha và mẹ của bị cáo đều là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương, Bằng khen và đã xử phạt bị cáo 07 năm tù đã là thỏa đáng. Bị cáo đã được xử phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề nhẹ hơn, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự thì không thể giảm nhẹ hơn nữa về hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ để giảm nhẹ

thêm về hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của bị cáo T¹ là phù hợp.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Phạm Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Nguyễn Đức T¹ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do không được chấp nhận kháng cáo;

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về xử lý vật chứng; về biện pháp tư pháp; về trách nhiệm dân sự; về biện pháp đặt tiền để bảo đảm; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh T; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T¹; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm 19/2021/HS-ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Phạm Thanh T.

2.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Nguyễn Đức T¹ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2020 và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến ngày 09/4/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T¹ 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian đã tạm giam trước, từ ngày 03/9/2020 đến ngày 16/11/2020.

3. Số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) do bà Bùi Thị Sinh đã nộp theo biên lai thu số 0002407 ngày 08/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương được sử dụng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Phạm Thanh T.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Phạm Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

4.2. Bị cáo Nguyễn Đức T¹ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng
(Hai trăm ngàn đồng);

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về xử lý vật chứng; về biện pháp tư pháp; về trách nhiệm dân sự; về biện pháp đặt tiền để bảo đảm; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Các Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương, Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương
(Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương
tổng đạt cho bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công